

Số: /KH-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 8 năm 2026

KẾ HOẠCH

Về việc triển khai chiến dịch cao điểm "30 ngày đêm" số hóa dữ liệu, chuẩn hóa, cập nhật và kết nối dữ liệu mã số vùng trồng sầu riêng, cơ sở đóng gói và kết nối Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Thực hiện Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP ngày 31/7/2026 của Chính phủ quy định đơn giản hóa thủ tục hành chính về mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói;

Thực hiện Thông báo số 361/TB-VPCP ngày 08/7/2026 của Văn phòng Chính phủ về việc Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng tại cuộc họp về giải pháp tháo gỡ khó khăn trong xuất khẩu nông sản;

Căn cứ Văn bản số 7812/BNMT-KHCN, ngày 15/7/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc triển khai Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản và kết nối, chia sẻ dữ liệu;

Căn cứ Công văn số 2763-CV/ĐU ngày 10/7/2026 của Đảng ủy UBND tỉnh về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động sản xuất, thu hoạch, thu mua, sơ chế, chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu sầu riêng trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Chỉ thị số 24/CT-UBND, ngày 15/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Chỉ thị về sản xuất, thu hoạch và tiêu thụ sầu riêng năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Công văn số 10568/UBND-NNMT ngày 14/7/2026 của UBND tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất, thu hoạch, thu mua, sơ chế, chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu sầu riêng trên địa bàn tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Kế hoạch triển khai chiến dịch "30 ngày đêm" số hóa dữ liệu, tích hợp cấp mã số vùng trồng sầu riêng, cơ sở đóng gói và kết nối Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

- Tập trung cao nguồn lực, quyết liệt triển khai xử lý dứt điểm các vướng mắc về mã số vùng trồng (MSVT), cơ sở đóng gói (CSĐG), cơ sở kiểm nghiệm, kiểm dịch nông sản phục vụ xuất khẩu; kế hoạch phải cụ thể đến từng địa phương, từng đầu mối, bảo đảm hoàn thành các nhiệm vụ cấp bách trong thời hạn 30 ngày.

- Ứng dụng giải pháp công nghệ để số hóa dữ liệu vùng trồng sầu riêng và các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh sau này, đồng thời xây dựng cơ sở dữ

liệu (CSDL) tích hợp lên Bản đồ số nông sản địa bàn tỉnh Đắk Lắk và cung cấp giải pháp truy xuất nguồn gốc để quản lý, xây dựng và phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, vùng nguyên liệu, mã số phục vụ sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu bảo đảm khả năng kết nối, đồng bộ với Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản, đáp ứng yêu cầu truy xuất nguồn gốc và hoạt động xuất khẩu.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương, doanh nghiệp và các đơn vị có liên quan nhằm bảo đảm hoàn thành mục tiêu của chiến dịch.

2. Yêu cầu

- Tập trung tháo gỡ ngay các khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu nông sản, không để nông sản bị ùn ứ, không xuất khẩu được do nguyên nhân chủ quan, chậm trễ, lúng túng, thiếu chủ động của cơ quan quản lý nhà nước trong việc cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói và xử lý thủ tục liên quan.

- Bảo đảm nguyên tắc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhưng không được buông lỏng quản lý; đơn giản hóa thủ tục nhưng phải kiểm soát được chất lượng; tạo thuận lợi tối đa cho xuất khẩu nhưng không đánh đổi bằng rủi ro về chất lượng, uy tín quốc gia và nguy cơ mất thị trường.

- Số hóa Cơ sở dữ liệu vùng trồng cây sầu riêng phải được xây dựng, hoàn thiện bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; phải được vận hành, cập nhật thường xuyên, liên tục và duy trì chế độ đồng bộ theo Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Triển khai theo nguyên tắc “một lần khai báo, nhiều lần sử dụng”; kết nối mở, liên thông, chia sẻ dữ liệu; không yêu cầu tổ chức, cá nhân kê khai lại dữ liệu đã có; không tạo lập hệ thống hoặc quy trình kê khai song song; không làm gián đoạn các hệ thống đang vận hành và không làm phát sinh thủ tục hành chính, chi phí tuân thủ không cần thiết.

- Bảo đảm tuyệt đối về an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân trong toàn bộ quá trình thu thập, cập nhật, kết nối, khai thác dữ liệu.

- Cơ sở dữ liệu vùng trồng, cơ sở đóng gói được xây dựng theo hướng dùng chung, bảo đảm thống nhất về mô hình dữ liệu, tiêu chuẩn dữ liệu và mã định danh; bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, của tỉnh và Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản, phục vụ công tác quản lý nhà nước và khai thác lâu dài.

- Việc triển khai phải được tập trung ưu tiên, quyết liệt, khoa học, chất lượng, hiệu quả với sự tham gia của toàn bộ hệ thống chính trị, các cấp, các ngành theo nguyên tắc rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ kết quả, rõ trách nhiệm và rõ thẩm quyền.

II. THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Thời gian triển khai: 30 ngày, từ ngày 07/8/2026 đến ngày 07/9/2026.

2. Thực hiện liên tục, kể cả ngày nghỉ, ngày lễ đối với các nhiệm vụ cần thiết để bảo đảm tiến độ.

III. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

1. Thiết lập cơ sở dữ liệu và đồng bộ với hệ thống dùng chung: Từ ngày thứ 01 đến ngày thứ 05

- Đơn vị thi công thực hiện chuẩn hóa, thiết lập cơ sở dữ liệu phục vụ cấp và quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói; đảm bảo phương thức kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu với Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý.

- Số hóa, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu diện tích vùng trồng sầu riêng trên nền tảng bản đồ Vietmap được phép sử dụng tại Việt Nam, dựa trên cơ sở dữ liệu đất đai của địa phương.

- Tổ chức quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu; phân công quyền khai thác dữ liệu cho các cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ; đồng thời rà soát hạ tầng công nghệ thông tin để bảo đảm khả năng lưu trữ, kết nối và đồng bộ dữ liệu với hệ thống dùng chung của Bộ.

- Thành lập các Tổ hành động số lưu động cho chiến dịch; đơn vị thi công chiến dịch cử đội ngũ chuyên gia kỹ thuật làm việc trực tiếp tại địa phương để hỗ trợ thu thập dữ liệu và bảo đảm quá trình kết nối, đồng bộ dữ liệu diễn ra thuận lợi.

2. Thu thập và Số hóa dữ liệu thực địa: Từ ngày thứ 06 đến ngày thứ 25

- Rà soát, số hóa dữ liệu vùng trồng sầu riêng trên địa bàn tỉnh, đồng thời xây dựng cơ sở dữ liệu tích hợp lên Bản đồ số nông sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; ưu tiên chuẩn hóa, cập nhật và quản lý, khai thác vùng trồng đang trong giai đoạn kinh doanh niên vụ 2026. Trong đó, tập trung thực hiện đối với 280 mã số vùng trồng với diện tích 7.500 ha và 42 cơ sở đóng gói đủ điều kiện xuất khẩu; 338 mã số vùng trồng với diện tích 6.500 ha (trong đó, 165 mã vùng trồng đã gửi GACC và 115 mã vùng trồng gửi Cục Trồng rừng và Bảo vệ thực vật) và hơn 93 cơ sở đóng gói đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp mới (tránh trùng lặp với nội dung số hóa đang triển khai thí điểm truy xuất nguồn gốc quả sầu riêng tại tỉnh Đắk Lắk của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại văn bản số 4864/BNMT-KHCN ngày 15/5/2026).

- Chuyển từ phương thức quản lý thủ công sang quản lý trên môi trường số, thực hiện thủ tục hành chính về cấp mã vùng trồng, cập nhật biến động theo thời gian thực và tái sử dụng dữ liệu trong thủ tục hành chính liên quan.

- Thành lập các Tổ hành động số lưu động, tổng lực bố trí nhân sự để thu thập dữ liệu.

- Cơ sở dữ liệu vùng trồng cây sầu riêng được rà soát, chuẩn hóa, số hóa và quản lý tập trung, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; thống nhất về mô hình dữ liệu, tiêu chuẩn dữ liệu và mã định danh; bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, phục vụ việc đơn giản hóa thủ tục hành chính về mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và khai thác, sử dụng lâu dài; dữ liệu

được cập nhật thường xuyên, duy trì đồng bộ với Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Sử dụng ứng dụng di động của đơn vị thi công để định vị tọa độ, tải trực tiếp hồ sơ pháp lý (CCCD, thông tin về vùng trồng). Nhân sự đơn vị thi công kiểm tra kỹ thuật dữ liệu ngay tại chỗ để tránh sai sót.

3. Đấu nối kỹ thuật hệ thống Quốc gia và Nghiệm thu: Từ ngày thứ 26 đến ngày thứ 30.

- Đơn vị thi công phối hợp với đơn vị vận hành Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản để rà soát luồng truyền nhận dữ liệu, đảm bảo liên thông 100%.

- Mở cổng kết nối cho các doanh nghiệp xuất khẩu sầu riêng lớn trên địa bàn để khai thác dữ liệu phục vụ xuất khẩu.

- Bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật CSDL; xây dựng phương án dự phòng, ứng phó khi xảy ra sự cố; triển khai cơ chế kiểm toán, đánh giá định kỳ về an toàn thông tin; bảo đảm phục vụ người dân, doanh nghiệp thông suốt, không bị gián đoạn.

- Tổng kết chiến dịch, nghiệm thu kết quả và trình UBND tỉnh.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Thành lập Tổ hành động số lưu động để tổ chức triển khai chiến dịch

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND xã, phường.

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan; đồng thời phân công rõ đầu mỗi nghiệp vụ, đầu mỗi kỹ thuật và đầu mỗi tại cấp xã, phường. Việc giao nhiệm vụ cần bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ kết quả, rõ trách nhiệm và rõ thẩm quyền; tránh giao trùng lặp hoặc giao nhiệm vụ vượt chức năng, thẩm quyền của cơ quan, đơn vị.

- Kết quả: Quyết định thành lập Tổ hành động số lưu động. Trong đó:

- + **Sở Nông nghiệp và Môi trường:** Chủ trì chỉ đạo, điều phối chung; phân công đầu mỗi chuyên môn, theo dõi, đôn đốc kết quả thực hiện. Hướng dẫn nghiệp vụ, phối hợp tham gia rà soát, kiểm tra, xác minh và hỗ trợ xử lý các nội dung thuộc lĩnh vực chuyên môn.

- + **UBND các xã, phường:** Cử đầu mối và cán bộ chuyên môn tham gia Tổ hành động số; phối hợp dẫn đường, xác minh thông tin thực địa, hỗ trợ làm việc với người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp và xác nhận dữ liệu trên địa bàn.

- + **Đơn vị phối hợp thực hiện:** Bố trí nhân sự kỹ thuật; hỗ trợ hạ tầng số, phần mềm; thực hiện khảo sát, thu thập, chuẩn hóa, số hóa, cập nhật dữ liệu lên hệ thống và xử lý các vấn đề kỹ thuật trong quá trình triển khai.

- Thời gian hoàn thành: ngày 07/8/2026.

2. Tổ chức Hội nghị triển khai chiến dịch cấp tỉnh/cấp xã

2.1. Đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường.
- Kết quả: Quán triệt đầy đủ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình và trách nhiệm của từng đơn vị; bảo đảm sau hội nghị các nhiệm vụ được triển khai đồng bộ, thống nhất, không gián đoạn, không lúng túng.

2.2. Các nội dung thực hiện tại cấp xã

- Đơn vị thực hiện: Ủy ban nhân dân các xã, phường.
- Kết quả: Tuyên truyền, phổ biến mục tiêu, ý nghĩa của việc số hóa cơ sở dữ liệu vùng trồng, mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói; hướng dẫn người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ, kê khai đăng ký, cập nhật thông tin; tổ chức tập huấn trực tiếp về quy trình đăng ký mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói và hướng dẫn sử dụng ứng dụng di động để cập nhật dữ liệu thực địa; vận động người dân, tổ chức, doanh nghiệp phối hợp cung cấp thông tin, hồ sơ phục vụ số hóa, làm giàu và làm sạch dữ liệu; khuyến khích thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; thiết lập, công khai các kênh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị và kịp thời xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai.
- Vận động người dân, tổ chức, doanh nghiệp phối hợp cung cấp thông tin, hồ sơ cần thiết trên cơ sở khai thác, đối soát dữ liệu hiện có để phục vụ việc làm giàu, làm sạch dữ liệu.
- UBND cấp xã và cán bộ chuyên môn cấp xã có trách nhiệm phối hợp xác minh thông tin chủ sử dụng đất, ranh giới địa chính, hiện trạng vùng trồng; hướng dẫn, vận động người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp phối hợp cung cấp, xác nhận thông tin khi cần thiết trên cơ sở khai thác, đối soát dữ liệu hiện có; phối hợp với Tổ hành động số lưu động trong quá trình thu thập, kiểm tra, xác nhận dữ liệu.
- Cung cấp bộ tài liệu truyền thông ngắn gọn (Sổ tay/Infographic/Video ngắn) để cấp xã phát qua hệ thống loa truyền thanh và các nhóm Zalo thôn/buôn, do nhiều hộ dân còn e ngại việc cung cấp thông tin Căn cước công dân, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc lo ngại phát sinh chi phí.
- Thời gian thực hiện: thường xuyên.

3. Rà soát, thống kê, phân loại diện tích trồng sầu riêng trên địa bàn

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Ủy ban nhân dân các xã, phường.
- Đơn vị phối hợp: Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị liên quan.
- Kết quả: Rà soát, thống kê đầy đủ số lượng diện tích trên địa bàn; phân loại theo 03 nhóm: mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói đủ điều kiện xuất khẩu; mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp mới; mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói có nhu cầu thực hiện.
- Khu vực ưu tiên xử lý theo từng giai đoạn; trên cơ sở kết quả rà soát, cập nhật, hiệu chỉnh kế hoạch chi tiết, phân bổ lại chỉ tiêu và nguồn lực cho phù hợp với thực tế từng địa bàn.
- Thời gian hoàn thành: ngày 08/8/2026.

4. Rà soát, hoàn thiện hạ tầng

4.1. Đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Đơn vị phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính.
- Kết quả: Rà soát tổng thể hệ thống máy chủ, đường truyền, thiết bị an toàn bảo mật để có phương án nâng cấp, thuê dịch vụ CNTT (*máy chủ, thiết bị lưu trữ, đường truyền, thiết bị bảo mật, hệ thống sao lưu, dự phòng...*) đảm bảo đáp ứng yêu cầu vận hành CSDL tập trung; sử dụng thống nhất một hệ thống CSDL về mã vùng trồng, CSĐG trên toàn tỉnh, đảm bảo kết nối đồng bộ về Trung ương.

- Thời gian hoàn thành: 09/8/2026.

4.2. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Ủy ban nhân dân các xã, phường.
- Đơn vị phối hợp: Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính, Công an tỉnh, Sở Công Thương và các đơn vị liên quan.
- Kết quả: Rà soát thực trạng trang thiết bị (máy tính, máy scan, chữ ký số); đường truyền, bảo mật; bảo đảm đáp ứng yêu cầu tiếp nhận, số hóa, và kết nối với hệ thống chuyên ngành. Thực hiện phân loại, xác định và triển khai cấp độ an toàn hệ thống thông tin theo quy định; áp dụng các biện pháp bảo mật, sao lưu dữ liệu, kiểm soát truy cập, phòng chống mất an toàn thông tin trong quá trình vận hành.
- Hiện nay hạ tầng xã, phường chưa đáp ứng, do đó cần phải rà soát và hỗ trợ trang thiết bị dùng chung hoặc ủy quyền lực lượng Tổ hành động số lưu động mang theo thiết bị chuyên dụng.

- Thời gian hoàn thành: 09/8/2026

5. Bố trí và huy động nguồn lực để hoàn thành số hóa CSDL vùng trồng sầu riêng trên địa bàn tỉnh

5.1. Nguồn lực tài chính

- Nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, các nguồn huy động, đóng góp và nguồn kinh phí hợp pháp khác.
- Trên cơ sở đề nghị của các đơn vị cấp tỉnh, cấp tỉnh và khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí cho đơn vị theo quy định hiện hành.
- UBND các xã, phường xây dựng dự toán và đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao tại địa phương.
- Các đơn vị sử dụng ngân sách có trách nhiệm xác định dự kiến kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định, ưu tiên sử dụng các nguồn nhân lực, hệ thống máy móc, thiết bị, cơ sở dữ liệu hiện có, đảm bảo không có tình trạng lãng phí trong sử dụng Ngân sách nhà nước khi nguồn thu ngân sách hiện nay còn gặp nhiều khó khăn.

5.2. Nguồn nhân lực

- Các Sở, đơn vị ban ngành, UBND các xã, phường chủ động, khẩn trương triển khai rà soát, kiện toàn đội ngũ công chức, viên chức, người lao động để thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch này.

- Các Sở, UBND các xã, phường chủ động bố trí con người tổ chức tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng sử dụng hệ thống CSDL vùng trồng và CSĐG.

- Nghiên cứu, huy động các nguồn lực hợp pháp khác (*lồng ghép chương trình, dự án; hợp tác, đặt hàng dịch vụ CNTT...*) nhưng bảo đảm dữ liệu vùng trồng sâu riêng luôn thuộc quyền quản lý, kiểm soát của Nhà nước.

6. Tăng cường phối hợp liên ngành để triển khai xác thực số hóa và khai thác CSDL vùng trồng sâu riêng

- Đơn vị chủ trì thực hiện: UBND xã/phường.

- Đơn vị phối hợp: Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công an tỉnh; Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ; Thuế tỉnh; Sở Xây dựng; UBND các xã, phường.

- Kết quả: UBND xã/phường chủ trì phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công an tỉnh, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Thuế tỉnh, Sở Xây dựng, Hội Nông dân tỉnh, Liên minh hợp tác xã tỉnh và các cơ quan liên quan trong việc đối soát, xác thực, chia sẻ và khai thác CSDL chuyên ngành có liên quan đến thực hiện số hóa dữ liệu mã vùng trồng sâu riêng; Thiết lập các cơ chế làm việc liên ngành (tổ công tác liên ngành, tổ kỹ thuật...) để xử lý nhanh các vướng mắc về kỹ thuật, pháp lý trong quá trình hoàn thiện và sử dụng CSDL vùng trồng sâu riêng.

7. Đồng bộ dữ liệu về Trung ương

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Đơn vị phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, Đơn vị thi công.

- Kết quả: Thực hiện đồng bộ dữ liệu vùng trồng sâu riêng của địa phương về Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản theo chế độ thời gian thực.

8. Duy trì bền vững CSDL vùng trồng sâu riêng

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Ủy ban nhân dân xã, phường

- Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; Ủy ban nhân dân các xã, phường.

- Kết quả: Tổ chức tổng kết việc hoàn thành CSDL vùng trồng sâu riêng tại địa phương; đánh giá đầy đủ kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm; xây dựng kế hoạch duy trì, cập nhật, vận hành CSDL vùng trồng sâu riêng giai đoạn sau, bảo đảm dữ liệu luôn “đúng - đủ - sạch - sống” và được sử dụng thường xuyên trong quản lý nhà nước; Đề xuất, kiến nghị Trung ương (*Chính phủ, các bộ, ngành*) về cơ chế, chính sách, nguồn lực, hướng dẫn kỹ thuật để tiếp tục hoàn thiện, khai thác hiệu quả CSDL vùng trồng sâu riêng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

V. TỔNG NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

Thực hiện đa dạng nguồn vốn huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực để triển khai thực hiện kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn vốn huy động, đóng góp, tài trợ hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở Kế hoạch này, các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường có trách nhiệm xây dựng, ban hành kế hoạch chi tiết triển khai tại đơn vị, địa phương mình; chuẩn bị bố trí đầy đủ nguồn lực về con người, hạ tầng kỹ thuật, kinh phí để thực hiện nhiệm vụ đã được phân công đảm bảo rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ kết quả, rõ trách nhiệm.

Thời gian hoàn thành: ngày 10/8/2026.

2. Trong quá trình thực hiện, tùy điều kiện cụ thể để lồng ghép các nhiệm vụ, chương trình, dự án liên quan đến CSDL vùng trồng, chính quyền số, chính quyền điện tử để phối hợp triển khai thông suốt, đảm bảo, chất lượng sản phẩm và tận dụng nguồn lực, tránh trùng lặp đầu tư, đảm bảo hiệu quả tổng thể.

3. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn đơn vị thực hiện triển khai toàn diện dự án số hóa trên cơ sở kế thừa, đồng bộ và tích hợp với phần mềm Bản đồ số đang vận hành trên địa bàn tỉnh, bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư và các quy định pháp luật có liên quan.

- Chủ trì, phối hợp với Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trong quản lý, rà soát, chuẩn hóa và xác thực dữ liệu mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói và quy trình nghiệp vụ chuyên ngành; phối hợp với Cục Chuyển đổi số về chuẩn dữ liệu, chuẩn kết nối, tích hợp, vận hành kỹ thuật và bảo đảm an toàn thông tin; phối hợp với Vụ Khoa học và Công nghệ trong điều phối chung, theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện. Các khó khăn, vướng mắc phát sinh được tổng hợp, gửi về Bộ Nông nghiệp và Môi trường (qua Vụ Khoa học và Công nghệ).

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn việc triển khai thực hiện các nội dung tại Kế hoạch đảm bảo nội dung, kết quả và tiến độ đề ra.

- Tham mưu thành lập các Tổ hành động số lưu động cho chiến dịch hỗ trợ việc thu thập, kiểm tra, cập nhật dữ liệu, hỗ trợ chuẩn hóa thông tin thu thập trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu văn bản trình UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương liên quan phối hợp triển khai thực hiện.

- Thiết lập chế độ báo cáo tiến độ định kỳ hàng ngày từ các Tổ hành động số, đơn vị triển khai và UBND cấp xã, phường để kịp thời tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xử lý các điểm nghẽn; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch, tổng hợp tình hình triển khai, định kỳ hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh. Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng và kết quả thực hiện; trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc không bảo đảm

tiền độ phải kịp thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, xử lý.

4. Giao UBND các xã, phường

- Xây dựng kế hoạch triển khai tại địa phương; phân công đầu mối phối hợp với Tổ hành động số lưu động.

- Rà soát, tổng hợp, cung cấp danh sách và thông tin hiện có về mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói đã cấp/đang cấp/có nhu cầu cấp; phối hợp xác minh thông tin chủ sử dụng đất, hiện trạng vùng trồng, cơ sở đóng gói và các dữ liệu có liên quan trên địa bàn.

- Hướng dẫn, vận động người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp phối hợp xác nhận, bổ sung thông tin khi cần thiết; tạo điều kiện để Tổ hành động số lưu động thực hiện khảo sát, thu thập, chuẩn hóa, số hóa và cập nhật dữ liệu.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin được xác nhận trên địa bàn; thực hiện chế độ báo cáo tiến độ theo quy định.

5. Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk và các cơ quan, đơn vị liên quan tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về mục tiêu, ý nghĩa, tiến độ và kết quả triển khai Chiến dịch cao điểm “30 ngày đêm” số hóa dữ liệu vùng trồng, cơ sở đóng gói và kết nối Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản; cung cấp bộ tài liệu truyền thông ngắn gọn (Infographic/Sổ tay/Video) hỗ trợ cấp xã tuyên truyền cho nhân dân nhằm minh bạch thông tin, quản lý chất lượng sản phẩm.

- Hướng dẫn hệ thống thông tin cơ sở, tuyên truyền trực quan và các nền tảng truyền thông số đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân, hợp tác xã và doanh nghiệp trong việc phối hợp cung cấp, cập nhật dữ liệu và thực hiện truy xuất nguồn gốc nông sản.

6. Giao Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị liên quan hướng dẫn, hỗ trợ về chuyển đổi số; tiêu chuẩn dữ liệu, tiêu chuẩn kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu và bảo đảm an toàn thông tin trong quá trình triển khai Kế hoạch.

- Phối hợp rà soát, hướng dẫn về hạ tầng kỹ thuật, nền tảng số và các nội dung chuyên môn thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin theo quy định.

7. Giao Sở Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo phân cấp ngân sách nhà nước và khả năng cân đối ngân sách, bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

- Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định.

8. Đơn vị được giao triển khai:

- Triển khai thực hiện dự án số hóa trên cơ sở kế thừa, đồng bộ và tích hợp với phần mềm Bản đồ số đang vận hành trên địa bàn tỉnh theo yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu với Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; hỗ trợ kỹ thuật trong suốt quá trình triển khai.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND các xã, phường và các đơn vị liên quan xử lý các vấn đề kỹ thuật phát sinh, bảo đảm tiến độ và chất lượng triển khai.

9. Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị liên quan kịp thời phản ánh về UBND tỉnh (*qua Sở Nông nghiệp và Môi trường*) để tiếp thu, tổng hợp, hướng dẫn, giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (thay B/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (thay B/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh Truyền hình Đắk Lắk;
- UBND các xã, phường;
- Hiệp Hội Sầu riêng tỉnh;
- TTCN và Công TTĐT tỉnh;
- Các phòng: TH, ĐTKT, NNMT;
- Lưu: VT, NNMT (Đg).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn